

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **27/2018/HNST**

Ngày: 24/5/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Trần Văn E, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ n, ấp m, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn E trước đây có tự nguyện tìm hiểu, sau đó về chung sống nhau từ năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi nhau, anh E không lo làm ăn, không phụ vợ nuôi con, không quan

tâm, chăm sóc con cái; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 30/10/2010 và Trần Ngọc M, sinh ngày 01/9/2013. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc M và giao Trần Minh H cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn E trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh E và chị T trước đây có tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 02 năm sau đó chung sống cùng nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, sau đó chị T bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh E đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 30/10/2010 và Trần Ngọc M, sinh ngày 01/9/2013. Khi ly hôn anh E yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn E; giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 30/10/2010 cho anh Trần Văn E trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Ngọc M, sinh ngày 01/9/2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Trần Văn E hiện cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Anh Trần Văn E vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của chị T và anh E trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi nhau, anh E không lo làm ăn, không phụ vợ nuôi con, không quan tâm, chăm sóc con cái, anh E cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế. Hội đồng xét xử nhận thấy anh E, chị T đã không còn chung sống với nhau từ thời điểm tháng 9/2017 đến nay, đồng thời chị T yêu cầu ly hôn thì anh E đồng ý ly hôn đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 30/10/2010 và Trần Ngọc M, sinh ngày 01/9/2013. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc M và giao Trần Minh H cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh E yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T thống nhất giao con chung Trần Minh H cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc M, qua tham khảo ý kiến thì cháu H cũng có nguyện vọng muốn ở với

bố khi bố mẹ ly hôn (bút lục 28). Do đó, cần thiết giao cháu Trần Minh H cho anh Trần Văn E trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Trần Ngọc M: Hiện nay cháu M đang trực tiếp ở với anh E và ông bà nội. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay anh E làm công việc bốc vác thu nhập từ 300.000đ đến 400.000đ/ngày nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện thu nhập và điều kiện nuôi con đồng thời công việc không ổn định; chị T hiện làm công nhân tại khu công nghiệp M, có thu nhập hàng tháng ổn định, cháu M là con gái đang trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên việc giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 05/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 30/10/2010 cho anh Trần Văn E trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Ngọc M, sinh ngày

01/9/2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012494 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn, do vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Ti;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Liêm